TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 414/2023/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 517/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trương Văn Q, sinh năm 1992

HKTT: Tổ 06, phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1991

HKTT: Thôn Đ C, xã TV, huyện ML, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Văn Q và chị Đàm Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Q và chị Đàm Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có một con chung là Trương Trí Th, sinh ngày 26/12/2017

Hai bên nhất trí thỏa thuận, giao con chung là Trương Trí Th cho chị Đàm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất, anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Th 2.000.000 đồng / tháng *(Hai triệu đồng / tháng)* cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Trương Văn Q nhận nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số số 0001246 ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- UBND Phường CG, TPTN, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân